

Số: /KH-HĐBTHTTGPMB

Như Thanh, ngày tháng năm 2023

### **KẾ HOẠCH**

#### **Thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm thực hiện dự án: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật mặt bằng khu dân cư thôn 9 xã Xuân Du, huyện Như Thanh (Giai đoạn 01)**

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai; số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định về giá đất; số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 sửa đổi bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường: số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 quy định chi tiết về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai.

Căn cứ Quyết định số 16/2023/QĐ-UBND ngày 20/4/2023 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Nghị quyết số 182/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc chấp thuận Danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ và quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa năm 2022;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Thanh Hóa: Quyết định số 3891/QĐ-UBND ngày 05/10/2021 về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021; Quyết định số 3638/QĐ-UBND ngày 27/10/2022 về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2022, huyện Như Thanh;

Căn cứ Nghị quyết số 156/NQ-HĐND ngày 20/12/2022 của HĐND huyện Như Thanh về chủ trương đầu tư dự án: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật mặt bằng khu dân cư thôn 9 xã Xuân Du, huyện Như Thanh (Giai đoạn 01);

Để có cơ sở triển khai công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật mặt bằng khu dân cư thôn 9 xã Xuân Du, huyện Như Thanh (Giai đoạn 01). Hội đồng BTHHTGPMB xây dựng Kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm trình UBND huyện phê duyệt với các nội dung cụ thể như sau:

### **1. Lý do thu hồi đất**

Thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng theo quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai 2013

### **2. Vị trí, diện tích khu đất thực hiện dự án**

#### **2.1. Vị trí, diện tích**

Vị trí khu đất thu hồi thực hiện dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật mặt bằng khu dân cư thôn 9 xã Xuân Du, huyện Như Thanh (Giai đoạn 01) theo Mặt bằng quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 được phê duyệt tại Quyết định số 2570/QĐ-UBND ngày 31/8/2022 của UBND huyện Như Thanh.

Diện tích thu hồi thực hiện dự án: 7.597,0 m<sup>2</sup>

#### **2.2. Hiện trạng**

Tổng số đối tượng bị ảnh hưởng bởi dự án: UBND xã Xuân Du quản lý  
Hiện trạng các loại đất trong phạm vi dự án bao gồm: đất chuyên trồng lúa nước, đất giao thông, đất thủy lợi.

### **3. Tiến độ thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư**

Thời gian thực hiện: Bắt đầu từ đến 28/5/2023 đến 28/8/2023

### **4. Kế hoạch điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm**

Thời gian thực hiện: Bắt đầu từ 28/5/2023 đến 15/6/2023

### **5. Dự kiến về kế hoạch di chuyển và địa điểm bố trí tái định cư**

Không phải di chuyển và địa điểm bố trí tái định cư do không thu hồi đất ở

### **6. Khái toán tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư**

Tổng khái toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật mặt bằng khu dân cư thôn 9 xã Xuân Du, huyện Như Thanh (Giai đoạn 01) là: 845.343.414 đồng

Trong đó:

- + Bồi thường về đất: 0 đồng
- + Bồi thường, hỗ trợ nhà, công trình vật kiến trúc: 0 đồng
- + Bồi thường cây trồng, vật nuôi: 37.109.500 đồng
- + Chi phí hỗ trợ: 571.486.300 đồng
- + Chi phí tháo dỡ, di chuyển công trình: 0 đồng
- + Chi phí tổ chức thực hiện: 12.171.916 đồng
- + Chi phí cưỡng chế: 0 đồng

+ Chi phí chuyển đổi đất trồng lúa sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp: 129.883.250đồng

+ Chi phí lập trích đo địa chính (trích lục): 54.438.000đồng

+ Chi phí khác: 0 đồng

+ Chi phí dự phòng : 40.254.448đồng

*(Có phụ lục chi tiết kèm theo)*

**7. Giao nhiệm vụ lập, thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư**

Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do UBND huyện thành lập có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

***Nơi nhận:***

- CT, PCT UBND huyện (B/c);
- Phòng Tài nguyên và Môi trường;
- Lưu: VT, HDBTHTGPMB.

**CHỦ TỊCH**



**PHÓ CHỦ TỊCH UBND HUYỆN  
Hàn Văn Huyền**

**PHỤ LỤC: KHÁI TOÁN KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

Thực hiện dự án: **Xây dựng hạ tầng kỹ thuật mặt bằng khu dân cư thôn 9 xã Xuân Du, huyện Như Thanh (Giai đoạn 01)**  
(Kèm theo kế hoạch số /KH-HĐBTHTGPMB ngày / /2023 của Hội đồng BTHTGPMB)

Đơn vị: Đồng

STT	Danh mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Hệ số	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
<b>I.</b>	Bồi thường về đất (đất lúa)					-	
<b>II.</b>	Bồi thường về vật kiến trúc					-	
<b>III.</b>	Bồi thường cây trồng, vật nuôi (lúa)	m <sup>2</sup>	7.421,9	5.000	1	37.109.500	
<b>IV.</b>	Hỗ trợ khi thu hồi đất						
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm (đất lúa)	m <sup>2</sup>	7.421,9	35.000	1,5	389.649.750	
2	Hỗ trợ thu hồi đất công ích của xã (đất lúa)	m <sup>2</sup>	7.421,9	35.000	0,7	181.836.550	
<b>V</b>	Chi phí tháo dỡ, di chuyển công trình					-	
<b>VI.</b>	Chi phí tổ chức thực hiện				2%	12.171.916	
<b>VII.</b>	Chi phí cưỡng chế					-	
<b>VIII.</b>	Chi phí chuyển đổi đất trồng lúa sang mục đích phi nông nghiệp	m <sup>2</sup>	7.421,9	35.000	0,5	129.883.250	
<b>IX</b>	Chi phí lập trích đo địa chính (trích lục)					54.438.000	
<b>X</b>	Chi phí khác					-	
<b>XI</b>	Chi phí dự phòng (5%)				5%	40.254.448	
<b>Tổng</b>						<b>845.343.414</b>	